

Số: 109/2023/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 28 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 812/2022/HNST ngày 27 tháng 12 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu:*

- Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp M, Tổ 9, xã M, huyện C, tỉnh Đ.

- Bà Trần Thị Anh N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Khối 16, phường H, thành phố V, tỉnh N.

Cùng tạm trú: Số 62 Đường 79, Tổ 4, Khu phố 1, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N qua thời gian tìm hiểu được 01 năm thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2019, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2019 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đ cấp ngày 30/9/2019).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai

đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Hiện nay, ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N xác nhận có 01 con chung họ tên là Trần Ngọc Minh T (nữ), sinh ngày 14/3/2021.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, ông Trần Ngọc H đồng ý để bà Trần Thị Anh N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông Trần Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan thi hành án.

[3] Về tài sản chung: Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 48/2019 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Đ cấp ngày 30/9/2019).

1.2. Về con chung: Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N xác nhận có 01 con chung họ tên là Trần Ngọc Minh T (nữ), sinh ngày 14/3/2021.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Trần Thị Anh N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông Trần Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan thi hành án.

Ông Trần Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông H.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc H và bà Trần Thị Anh N phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2021/0015304 ngày 27/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông H và bà N đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

**THẨM PHÁN**

**Trương Như Thủy**